

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI PHÁP DOANH NGHIỆP A.N.T

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI PHÁP DOANH NGHIỆP A.N.T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A.N.T MEDIA AND BUSINESS SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: A.N.T MEDIA JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109504823

3. Ngày thành lập: 21/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tòa D, tầng 17, 226 Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928840000

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3.	Quảng cáo	7310
4.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
5.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
6.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
7.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
8.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
9.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
10.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
11.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
12.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
13.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
14.	Đại lý du lịch	7911
15.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
16.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
17.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
18.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
19.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
20.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22.	Dịch vụ đóng gói	8292
23.	Giáo dục nhà trẻ	8511
24.	Giáo dục mẫu giáo	8512
25.	Giáo dục tiểu học	8521
26.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
27.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
28.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
29.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
31.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
32.	Hoạt động thể thao khác	9319
33.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
34.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
39.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
40.	In ấn	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42.	Sao chép bản ghi các loại	1820
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
45.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
46.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
47.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
48.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
49.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
50.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
51.	Đúc sắt, thép	2431
52.	Đúc kim loại màu	2432
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
55.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
56.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
57.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

58.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
59.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
60.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
61.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
64.	Sản xuất đồng hồ	2652
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
66.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
67.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
68.	Sản xuất nhạc cụ	3220
69.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
70.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
71.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
72.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
73.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
74.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
75.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
77.	Bán mô tô, xe máy	4541
78.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
80.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
82.	Bán buôn tổng hợp	4690
83.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
84.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
85.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
86.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
89.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774

90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
91.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
92.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
93.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
94.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
95.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
97.	Cơ sở lưu trú khác	5590
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
99.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
100.	Hoạt động hậu kỳ	5912
101.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913(Chính)
102.	Hoạt động chiếu phim	5914
103.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
104.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
105.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
106.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
107.	Hoạt động viễn thông khác	6190
108.	Lập trình máy vi tính	6201
109.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
110.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
111.	Cổng thông tin	6312
112.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
113.	Đánh giá rủi ro và thiệt hại	6621
114.	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội	6629

6. Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ PHƯƠNG THÚY	P705 CT5C CC 9 tầng, khu TĐC KĐT Mễ Trì Hạ, TDP3, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	550.000	5.500.000.000	25,000	0251890013 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	550.000	5.500.000.000	25,000		
2	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Thôn 3, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.100.000	11.000.000.000	50,000	0301930000 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.100.000	11.000.000.000	50,000		

3	NGUYỄN THỊ TUỖNG AN	Số 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	042193000198
			Cổ phần phổ thông	550.000	5.500.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	550.000	5.500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B9697276

Ngày cấp: 09/10/2014

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Hàn Lạc, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội